

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-CHHĐTVN ngày 15/05/2025 của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc thành lập Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận Một cửa) theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Cục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa của Cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 697/QĐ-CHHĐTVN ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Cục trưởng

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Cơ quan Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Trung tâm CNTT (để phối hợp t/h);
- Bộ phận Một cửa (để t/h);
- Website Cục (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP (BPMC).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Tổng Hoàng Kha

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA
CƠ QUAN CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CHHĐTVN ngày tháng năm 2025

của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam)

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
III – Lĩnh vực Hàng hải				
1	Thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	1.002228	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
2	Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	1.004166	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
3	Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp	1.004162	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
4	Công bố mở cảng cạn và công bố mở cảng cạn đối với điểm thông quan hàng hóa đã có chủ trương chuyển thành cảng cạn	1.004284	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
5	Chuyển đổi điểm thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu thành cảng cạn	1.001857	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
6	Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải	1.004123	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
7	Trả lời sự phù hợp quy hoạch cảng cạn	1.001845	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;	Phòng Kết cấu hạ tầng
8	Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải	1.001889	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
9	Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển	1.001899	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
10	Công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước (bao gồm cả việc đưa kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời vào sử dụng)	1.004157	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
11	Đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	1.004134	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
12	Công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp	1.004077	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
13	Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải (trường hợp Bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố. Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật về bến cảng, cầu cảng tiếp nhận tàu biển giảm tải có thông số kỹ thuật lớn hơn thông số kỹ thuật của tàu biển tại Quyết định công bố)	1.004276	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
14	Thủ tục đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam	2.001719	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Pháp chế
15	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu (CLC 1992)	1.000563	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Pháp chế
16	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 2001 (BCC)	1.000469	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Pháp chế

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
17	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	1.004850	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
18	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	1.004843	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
19	Cấp lại Sổ thuyền viên	1.002787	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
20	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên Việt Nam đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp	1.002472	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
21	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	1.002460	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
22	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận	1.002448	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
23	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	1.002441	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
24	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	1.002420	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
25	Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng	1.002408	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
26	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	1.002345	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
27	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	1.002326	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
28	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	1.000289	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
29	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	1.000284	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
30	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyển vùng hoạt động	1.000279	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
31	Đăng ký và cấp Sổ thuyền viên	1.002788	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Tổ chức cán bộ
32	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	2.000519	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
33	Giao tuyến dẫn tàu	1.002490	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
34	Cấp Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	1.001099	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
35	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	1.002771	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
36	Chấp thuận đặt tên tàu biển	1.002763	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
37	Đăng ký tàu biển không thời hạn	1.002687	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
38	Đăng ký tàu biển có thời hạn	1.002674	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
39	Đăng ký tàu biển tạm thời	1.002645	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
40	Đăng ký tàu biển đang đóng	1.002578	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
41	Đăng ký tàu biển loại nhỏ	1.002550	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	1.002582	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
43	Xóa đăng ký	1.002508	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
44	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	1.000274	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
45	Cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải Phần I	1.000267	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
46	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu biển nước ngoài	1.004425	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện
II – Lĩnh vực Đường thủy nội địa				
1	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa <i>- Bộ Xây dựng: công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài;</i> <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc</i>	1.004242	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
	<i>gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.</i>			
2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
3	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.</i>	1.009443	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
4	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: gia hạn đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định</i>	1.009444	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
5	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc</i>	1.009445	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
	<i>gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định</i>			
6	Công bố chuyên bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: công bố chuyên bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.	1.009446	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
7	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia.	1.009447	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
8	Thiết lập khu neo đậu (đối với khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định)	1.009448	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
9	Công bố hoạt động khu neo đậu (đối với khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định)	1.009449	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
10	Công bố đóng khu neo đậu (đối với khu neo đậu trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, khu neo đậu có vùng nước vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định)	1.009450	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
11	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa - Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: công bố hoạt động cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định	1.009456	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
12	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài (đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia)	1.009458	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
13	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương (trường hợp luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia)	1.009459	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
14	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không còn nhu cầu khai thác, sử dụng (đối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia)	1.009460	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
15	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
16	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.</i>	1.009462	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
17	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa <i>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam: thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, hành lang bảo vệ luồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.</i>	1.009463	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
18	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (đối với trường hợp bảo đảm quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải tiếp giáp với hành lang bảo vệ luồng quốc gia)	1.009464	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Kết cấu hạ tầng
19	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1.000344	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải – An toàn và Phương tiện

STT	Tên thủ tục	Mã thủ tục	Địa điểm thực hiện Tiếp nhận và Trả kết quả	Đơn vị giải quyết
20	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (<i>đối với chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia</i>)	1.009465	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
III – Lĩnh vực khác				
1	Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011434	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
2	Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011433	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
3	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011430	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
4	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011429	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
5	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển	1.011432	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện
6	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	1.011431	BPMC Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam	Phòng Vận tải- An toàn và phương tiện

